TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 12 - 8 - 2022
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Để

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mai Nđ, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp M A, xã K, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau; có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Dương Bđ, sinh năm 1997. HKTT: ấp T, xã TT, huyện An Minh, Kiên Giang. Nơi cư trú cuối cùng: ấp T, xã TT, huyện An Minh, Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-3-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Mai Nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chi Nđ và anh Bđ quen biết nhau trước rồi đi đến hôn nhân vào năm 2017; anh chị đăng ký kết hôn và được UBND xã TT, huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2018. Vợ chồng sống chung có 01 đứa

con chung tên Nguyễn Ngọc Trà Lq, sinh ngày 10/5/2018, hiện đang sống chung với chị Nđ.

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do anh Bđ không lo làm ăn, vợ chồng không hợp nhau. Anh chị đã ly thân nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Chị Nđ khởi kiện xin ly hôn với anh Bđ; về con chị Nđ xin nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chị Nđ không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Bị đơn anh Nguyễn Dương Bđ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ; về con: giao chị Nđ nuôi cháu Lq, anh Bđ không cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo các tài liệu gồm: Sổ Hộ khẩu, xác nhận các ngày 02-3-2022 của Ban lãnh đạo ấp T, xác nhận ngày 02-3-2022 của Công an xã TT và các tài liệu về nhân thân khác cho thấy anh Nguyễn Dương Bđ có nơi cư trú là ở ấp T, xã TT, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (bằng việc niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) nhưng anh Bđ đều vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Nđ và anh Bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017. Sau đó đăng ký kết hôn và được UBND xã TT, huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2018 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị Nđ và anh Bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về cách sống. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị Nđ thì anh Bđ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh Bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh Bđ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa chị Nđ với anh Bđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ.

[4] Về con chung, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Trà Lq, sinh ngày 10/5/2018; hiện đang sống chung với chị Nđ. Thấy rằng thời gian qua cháu được chăm sóc tốt; anh Bđ cũng không có ý kiến gì trong việc nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lq cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị Nđ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị Nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Mai Nđ và anh Nguyễn Dương Bđ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Trà Lq, sinh ngày 10-5-2018 cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nđ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005303 ngày 18-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nđ có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bđ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND X. TT, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công